

**CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ KARAOKE NNICE – nhóm17**

ĐẶC TẢ YÊU CẦU ỨNG DỤNG – V1.0

tp hỒ CHÍ MINH, THÁNG 9 NĂM 2023

mÔN PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG (Có đồ án)

Bộ môn Kỹ thuật phần mềm – Khoa Công nghệ thông tin – ĐH Công nghiệp TP. HCM

**NỘI DUNG**

[**1.** **GIỚI THIỆU CHUNG** 2](#_Toc83627354)

[1.1 Mục đích 2](#_Toc83627355)

[1.2 Phạm vi 2](#_Toc83627356)

[1.3 Các định nghĩa, thuật ngữ, từ viết tắt 2](#_Toc83627357)

[1.4 Tài liệu tham khảo 2](#_Toc83627358)

[**2.** **MÔ TẢ TỔNG QUAN ỨNG DỤNG** 3](#_Toc83627359)

[2.1 Mô hình Use case 3](#_Toc83627360)

[2.2 Danh sách các tác nhân và mô tả 3](#_Toc83627361)

[2.3 Danh sách Use case và mô tả 3](#_Toc83627362)

[2.4 Các điều kiện phụ thuộc 3](#_Toc83627363)

[**3.** **ĐẶC TẢ CÁC YÊU CẦU CHỨC NĂNG (FUNCTIONAL)** 4](#_Toc83627364)

[3.1 UC001\_Tên use case 4](#_Toc83627365)

[3.1.1 Mô tả use case UC001 4](#_Toc83627366)

[3.1.2 Biểu đồ 4](#_Toc83627367)

[3.2 UC002\_Tên use case 5](#_Toc83627368)

[3.2.1 Mô tả use case UC002 5](#_Toc83627369)

[**4.** **BIỂU ĐỒ LỚP:** 6](#_Toc83627370)

[4.1 Biểu đồ lớp (Entity): 6](#_Toc83627371)

[4.2 Biểu đồ lớp tổng quát: 6](#_Toc83627372)

# **GIỚI THIỆU CHUNG**

## Mục đích

Tài liệu này được viết nhằm mục đích cung cấp một mô tả toàn diện và đầy đủ về các yêu cầu của ứng dụng. Nó sẽ làm rõ các tác nhân tác động vào hệ thống cũng như các ràng buộc dữ liệu liên quan, nhằm hỗ trợ việc viết code một cách dễ dàng hơn.

## Phạm vi

* **Phạm vi:** Karaoke Nnice.
* **Đối tượng phục vụ:** Người quản lý, Nhân viên thu ngân.
* **Nhóm các hệ thống con:**
  + Quản lý thông tin nhân viên (Thêm, Cập nhật, Xoá, Tra cứu).
  + Quản lý thông tin phòng (Thêm, Cập nhật, Xoá, Tra cứu).
  + Quản lý phiếu đặt phòng (Lập, Cập nhật, Thanh toán, Huỷ).
  + Lập thống kê doanh thu.
  + Quản lý phân công và ca trực của nhân viên.
  + Quản lý hàng hóa (Thêm, Cập nhật, Xoá, Tra cứu).
  + Tra cứu hoá đơn

## Các định nghĩa, thuật ngữ, từ viết tắt

<Giải thích cho các thuật ngữ và từ viết tắt dùng trong tài liệu, các định nghĩa sử dụng trong tài liệu>.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Thuật ngữ, từ viêt tắt | Giải thich | Ghi chú |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |

## Tài liệu tham khảo

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên tài liệu | Ghi chú |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |

# **MÔ TẢ TỔNG QUAN ỨNG DỤNG**

## Mô hình Use case.

A diagram of a company

Description automatically generated

## Danh sách các tác nhân và mô tả

*<Liệt kê các tác nhân của hệ thống>.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tác nhân | Mô tả tác nhân | Ghi chú |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

## Danh sách Use case và mô tả

*<Liệt kê các use case theo mô hình use case. Các use case tương ứng với các chức năng nào như đã mô tả trong tài liệu SRD. Phải mapping use case và chức năng tương ứng >.*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ID | Tên Use case | Mô tả ngắn gọn Use case | Chức năng | Ghi chú |
| *UC001* | *Tên use case* | *Mô tả ngắn gọn Use case* |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

*Trong đó: UC: Quy cách đánh số Use case và 001, 002…: là số thứ tự của use case*

## Các điều kiện phụ thuộc

<Trình bày các điều kiện về mặt kỹ thuật cần thiết để phát triển ứng dụng, ví dụ: cấu hình phần cứng, cấu hình mạng, các phần mềm, hệ quản trị cơ sở dữ liệu khác có liên quan, các công cụ sử dụng để phát triển ứng dụng. Các yêu cầu khác...>.

# **ĐẶC TẢ CÁC YÊU CẦU CHỨC NĂNG (FUNCTIONAL)**

<Phần này mô tả một cách chi tiết từng yêu cầu cụ thể, cho phép các thành viên tham gia dự án căn cứ vào đó để xây dựng một phần mềm có chất lượng tốt nhất. Với cách tiếp cận theo mô hình UseCase (UC), các yêu cầu phần mềm được mô tả theo các UC và trong các đặc tả bổ sung>.

## UC001\_ Thêm nhân viên

### Mô tả use case UC001

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use case: Thêm nhân viên** | | |
| Actor | Người quản lý. | |
| Mô tả: | Use case thực hiện việc thêm một nhân viên vào hệ thống. | |
| Điều kiện trước: | Đăng nhập thành công với quyền “Người quản lý” và chọn chức năng “Quản lý thông tin nhân viên” và phải có thông tin nhân viên. | |
| Điều kiện sau: | Thêm thông tin một nhân viên vào cơ sở dữ liệu và hiển thị thông báo thêm thành công. | |
| Luồng sự kiện chính (Basic flows) | Actor | System |
|  | 1. Hệ thống hiển thị danh sách các nhân viên hiện tại có trong hệ thống. |
| 2. Người quản lý nhập thông tin nhân viên. |  |
| 3. Người quản lý chọn “Thêm”. |  |
|  | 4. Hệ thống kiểm tra thông tin của một nhân viên. |
|  | 5. Hệ thống thêm thông tin của một nhân viên vào cơ sở dữ liệu . |
|  | 6. Hệ thống thông báo thêm thành công. |
| Luồng sự kiện phụ (Alternative Flows): |  | 4.1 Hệ thống thông báo thông tin không hợp lệ. |
| 4.2 Người quản lý chọn “Đồng ý”. |  |
|  | 4.3 Hệ thống quay lại bước 1. |
|  | 5.1 Hệ thống thông báo nhân viên đã tồn tại. |
| 5.2 Người quản lý chọn “Đồng ý”. |  |
|  | 5.3 Hệ thống quay lại bước 1. |

### Biểu đồ

* **Activity Diagram**

A diagram of a workflow

Description automatically generated

* **Sequence Diagram**

A diagram of a project

Description automatically generated

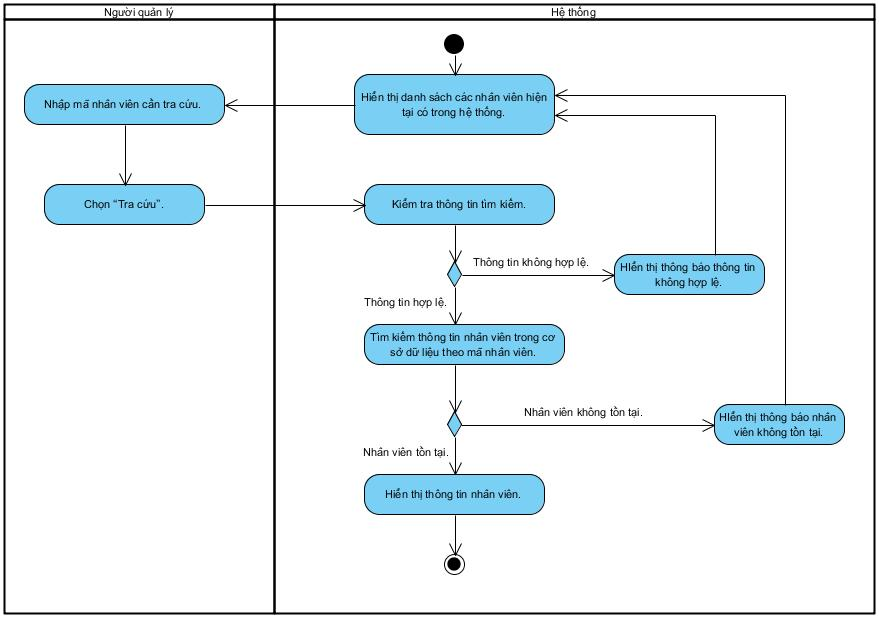
## UC002\_ Tra cứu thông tin nhân viên.

### Mô tả use case UC002

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Use case: UC002\_ Tra cứu thông tin thông tin nhân viên. | | |
| Actor: | Người quản lý. | |
| Mô tả: | Usecase thực hiện việc tra cứu nhân viên theo mã nhân viên. | |
| Điều kiện trước: | Đăng nhập với quyền “Người quản lý”, chọn chức năng “Quản lý thông tin nhân viên” và phải có mã nhân viên. | |
| Điều kiện sau: | Hiển thị thông tin nhân viên. | |
| Luồng sự kiện chính (Basic flows) | Actor | System |
|  | 1. Hệ thống hiển thị danh sách các nhân viên hiện tại có trong hệ thống. |
| 2. Người quản lý nhập mã nhân viên cần tra cứu. |  |
| 3. Người quản lý chọn “Tra cứu”. |  |
|  | 4. Hệ thống kiểm tra thông tin tìm kiếm. |
|  | 5. Hệ thống tìm kiếm thông tin nhân viên trong cơ sở dữ liệu theo mã nhân viên. |
|  | 6. Hiển thị thông tin nhân viên. |
| Luồng sự kiện phụ (Alternative Flows): |  | 4.1 Hệ thống thông báo thông tin không hợp lệ. |
| 4.2 Người quản lý chọn “Đồng ý”. |  |
|  | 4.3 Hệ thống quay lại bước 1. |
|  | 5.1 Hệ thống thông báo nhân viên không tồn tại. |
| 5.2 Người quản lý chọn “Đồng ý”. |  |
|  | 5.3 Hệ thống quay lại bước 1. |

### Biểu đồ

* **Activity Diagram**



* **Sequence Diagram**

A diagram of a project

Description automatically generated

## UC003\_ Cập nhật thông nhân viên

### Mô tả use case UC003

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use case: Cập nhật thông tin nhân viên.** | | |
| Actor | Người quản lý. | |
| Mô tả: | Use case thực hiện việc cập nhật thông tin nhân viên vào hệ thống. | |
| Điều kiện trước: | Đăng nhập thành công với quyền “Người quản lý” và chọn chức năng “Quản lý thông tin nhân viên.” | |
| Điều kiện sau: | Cập nhật thông tin nhân viên vào cơ sở dữ liệu và hiển thị thông báo cập nhật thành công. | |
| Luồng sự kiện chính (Basic flows) | Actor | System |
|  | 1. Hệ thống hiển thị danh sách các nhân viên hiện tại có trong hệ thống. |
| 2. Người quản lý chọn một nhân viên muốn cập nhật. |  |
|  | 3. .Hệ thống hiển thị thông tin nhân viên đã chọn. |
| 4. Người quản lý nhập thông tin nhân viên muốn cập nhật. |  |
| 5. Người quản lý chọn “Cập nhật”. |  |
|  | 6. Hệ thống kiểm tra thông tin cập nhật của nhân viên . |
|  | 7. Hệ thống cập nhật thông tin nhân viên vào cơ sở dữ liệu . |
|  | 8. Hệ thống thông báo cập nhật thành công. |
| Luồng sự kiện phụ (Alternative Flows): |  | 6.1 Hệ thống thông báo thông tin không hợp lệ. |
| 6.2 Người quản lý chọn “Đồng ý”. |  |
|  | 6.3 Hệ thống quay lại bước 3. |

### Biểu đồ

## UC004\_Xoá nhân viên

### Mô tả use case UC004

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use case: Xóa nhân viên** | | |
| Actor: | Người quản lý. | |
| Mô tả: | Use case thực hiện chức năng xoá một nhân viên trong hệ thống. | |
| Điều kiện trước: | Đăng nhập thành công với quyền “Người quản lý” và chọn chức năng “Quản lý thông tin nhân viên”. | |
| Điều kiện sau: | Xoá một nhân viên trong cơ sở dữ liệu và hiển thị thông báo xoá thành công. | |
| Luồng sự kiện chính (Basic flows) | Actor | System |
|  | 1. Hệ thống hiển thị danh sách các nhân viên hiện tại có trong hệ thống. |
| 2. Người quản lý chọn nhân viên cần xoá. |  |
| 3. Người quản lý chọn “Xoá”. |  |
|  | 4. Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận. |
| 5. Người quản lý chọn “Đồng ý”. |  |
|  | 6. Hệ thống xoá thông tin nhân viên trong cơ sở dữ liệu. |
|  | 7. Hệ thống hiển thị thông báo xoá thành công. |
| Luồng sự kiện phụ (Alternative Flows): | 5.1. Người quản lý chọn “Huỷ” | 5.2. Hệ thống quay lại bước 1. |

### Biểu đồ

# **BIỂU ĐỒ LỚP:**

## Biểu đồ lớp (Entity):

Vẽ biểu đồ chỉ chứa các lớp thực thể

## Biểu đồ lớp tổng quát:

Lớp Boundary (GUI) 🡪 Lớp Control 🡪 Lớp Entity

|  |
| --- |
| *<<boundary>>*  GUI\_aaa |
|  |
|  |

|  |
| --- |
| *<<Entity>>*  AA |
| * a1 * a2 |
| +toString(): String |

|  |
| --- |
| *<<Control>>*  aaaaaa |
|  |
|  |

|  |
| --- |
| *<<Entity>>*  BBBB |
| * bb |
| +toString(): String |

|  |
| --- |
| *<<Control>>*  cccccc |
|  |
|  |

**Link GitHub:** https://github.com/trannguyenvu3482/iuh-app-dev-group-17.git